



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ CÔNG THƯƠNG

SỔ TAY CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT  
TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG  
NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
ĐỒNG NAI



*Đồng Nai, ngày .... tháng 6 năm 2020*



# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## MỤC LỤC

### PHẦN A:

#### CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CỦA TRUNG ƯƠNG

- I. Các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ .....Trang 1
- II. Các chính sách ưu đãi đối với công nghiệp hỗ trợ.....Trang 3
- III. Chính sách ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.....Trang 5

### PHẦN B:

#### CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

- I. Nội dung chính sách hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025 ..... Trang 7
- II. Thành phần hồ sơ và quy trình thực hiện.....Trang 9

### PHẦN C:

#### THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG NGHIỆP/NHÀ XƯỞNG TRONG CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI CHO THUÊ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- I. Thông tin diện tích đất trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh .....Trang 11
- II. Thông tin nhà xưởng trong các khu công nghiệp chưa cho thuê: .....Trang 16



# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## PHẦN A CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

### I. Các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ



#### 1. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển:

a) Tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

- Được tài trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, hỗ trợ từ các Quỹ, nguồn kinh phí khác dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo;

- Được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu và phát triển từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với trường hợp tự đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao;



## SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

- Được nhà nước hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí đối với Dự án sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

b) Dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được hưởng các ưu đãi sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai; được xem xét hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư trang thiết bị nghiên cứu từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

### **2. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ:**

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng ưu đãi của pháp luật về chuyển giao công nghệ và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

b) Hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ như sau:

- Các dự án, đề án hợp tác giữa doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc chuyển giao công nghệ được hỗ trợ một phần kinh phí;

- Chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ tối đa đến 50%.

c) Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 75% chi phí chuyển giao công nghệ đối với Dự án sản xuất vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước bao gồm quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu để phục vụ cho sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

### **3. Hỗ trợ phát triển thị trường**

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được:

a) Ưu tiên tham gia vào Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

b) Hỗ trợ một phần chi phí đăng ký thương hiệu, kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và ngoài nước, kinh phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực**

a) Đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp hỗ trợ:

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cho đào tạo nguồn nhân lực;



# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

- Cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài theo các chương trình đào tạo của nhà nước.

b) Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp hỗ trợ:

- Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, liên doanh, liên kết để xây dựng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

- Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được tài trợ, hỗ trợ từ các Quỹ về khoa học và công nghệ, đào tạo và các Quỹ khác;

- Nhà nước khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hiện có tham gia vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ.

## **II. Các chính sách ưu đãi đối với dự án công nghiệp hỗ trợ**

### **1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi:**

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

Trường hợp doanh nghiệp thuộc các đối tượng nêu trên, chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận ưu đãi để được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định, cụ thể:

### **2. Thành phần hồ sơ gồm:**

**a) Số lượng hồ sơ: Doanh nghiệp nộp 06 bản hồ sơ, trong đó có 01 bản chính và 05 bản sao**

- Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi.

- Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

### **b) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 02-Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/10/2015 của Bộ Công Thương).

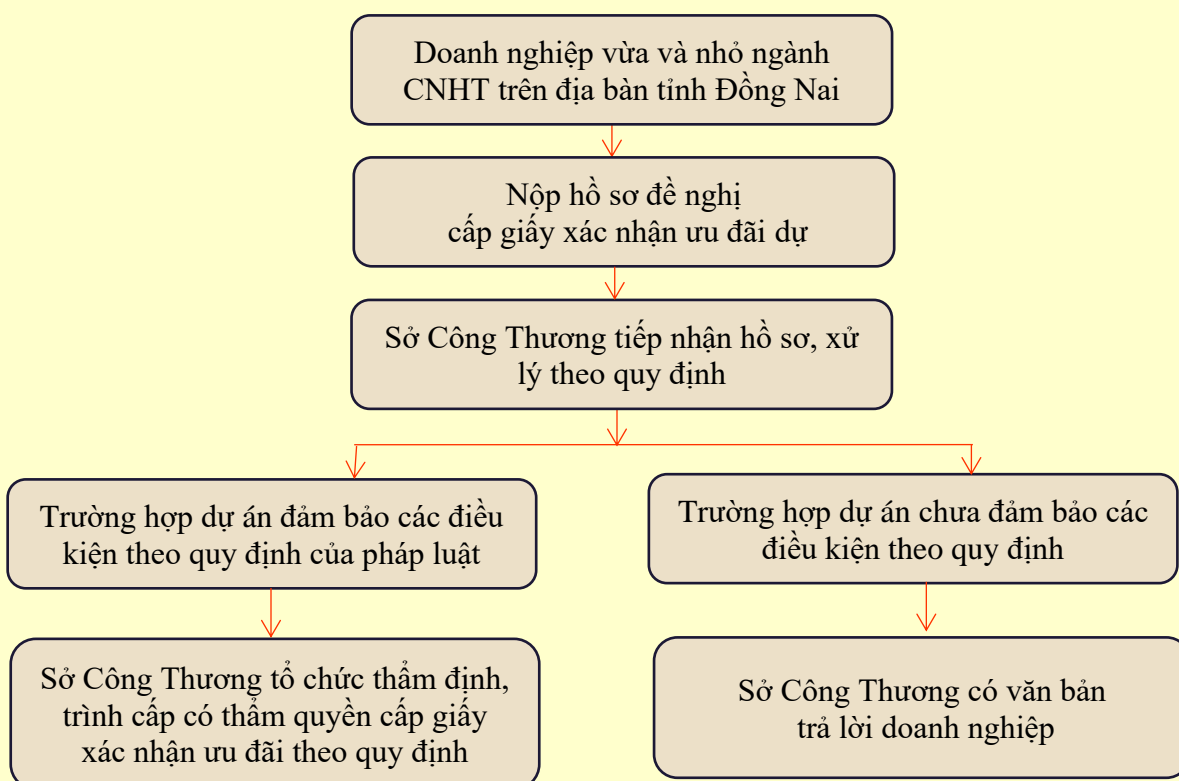
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



## SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.
- Trường hợp dự án đang sản xuất:
  - + Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính).
  - + Thuyết minh đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN – European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

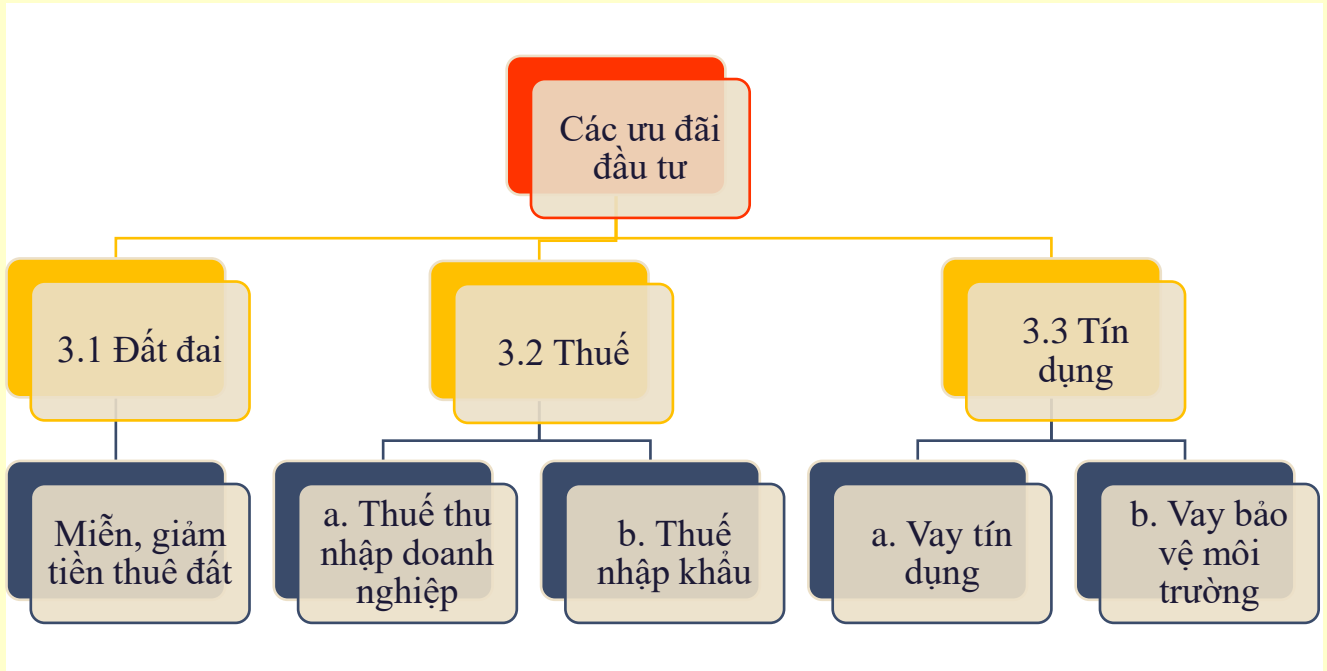
### 3. Quy trình thực hiện:





# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## III. Chính sách ưu đãi đối với dự án sản xuất sản CNHT thuộc danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển.



### Cụ thể các ưu đãi đầu tư như sau:

STT	Hình thức ưu đãi	Nội dung ưu đãi		Văn bản hướng dẫn	
1	Thuế	TNDN: Điều kiện được hưởng ưu đãi: Điều 4, Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương	Ưu đãi về thuế suất	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm	Tiêu chí được hưởng ưu đãi về thuế suất: Điểm g, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.
			Ưu đãi về thời gian miễn giảm	Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo	Khoản 1, Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính
	Thuế NK	Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định		Khoản 11, Điều 16, Luật số 107/2016/QH 13, hướng dẫn bởi điều 14, Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ	

STT	Hình thức ưu đãi	Nội dung ưu đãi	Văn bản hướng dẫn	
2	<b>Đất đai</b>	<p>Được miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể:</p> <p>Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn.</p>	<p>Điểm c, Khoản 3, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Danh mục dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Mục I, phần A, Phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.</p>	
3	<b>Tín dụng</b>	<b>Vay tín dụng</b>	<p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển được vay với lãi suất vay tín dụng đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước;</p> <p>Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ</p>	Điểm c, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ
			<p>Ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: tín dụng đầu tư:</p> <p>- Được vay vốn tối đa 70% vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của các tổ chức bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>+ Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu 15% giá trị khoản vay, sau khi đã loại trừ giá trị tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản vay khác;</p> <p>+ Có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, sau khi trừ số vốn chủ sở hữu thu xếp cho các dự án khác;</p> <p>+ Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác.</p>	Điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ
	<b>Vay bảo vệ môi trường</b>	Được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án	Điểm đ, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 111/ 2015/NĐ-CP của Chính phủ	





# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## PHẦN B CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

### I. Nội dung chính sách hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025:

Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng trong thời hạn 05 năm

*(kể từ thời điểm dự án đi vào hoạt động và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận cho doanh nghiệp thụ hưởng hỗ trợ về chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng)*

Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Biên Hòa và các huyện: Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: Mức hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp tối đa cho một doanh nghiệp là 450.000.000 đồng/năm, với quy mô diện tích sử dụng không quá 5.000m<sup>2</sup>

Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Long Khánh, và các huyện còn lại: Mức hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp tối đa cho một doanh nghiệp là 720.000.000 đồng/năm, với quy mô diện tích sử dụng không quá 8.000m<sup>2</sup>.

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về việc hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng (không bao gồm giá cho thuê lại đất, phí xử lý nước thải, điện, nước), chi phí thuê nhà xưởng (bao gồm cả phí sử dụng hạ tầng) tại các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, thực hiện di dời, hoặc đầu tư dự án mới, hoặc đầu tư mở rộng sản xuất trong khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025.



## **SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI**

### **2. Đối tượng áp dụng**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là Doanh nghiệp), không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và vốn nhà nước.

Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này.

### **3. Điều kiện hỗ trợ:**

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Dự án sản xuất nhiều loại sản phẩm: tỷ trọng doanh thu đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ đạt từ 70% tổng doanh thu trở lên.

### **4. Nguyên tắc hỗ trợ**

Cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo các quy định khác thì không được hỗ trợ theo quy định này.

Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng chế độ, thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí và được kiểm tra, giám sát và xử lý theo quy định hiện hành.

### **5. Nội dung và mức hỗ trợ**

Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng trong thời hạn 05 năm, cụ thể như sau:

Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Biên Hòa và các huyện: Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: Mức hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp tối đa cho một doanh nghiệp là 450.000.000 đồng/năm, với quy mô diện tích sử dụng không quá 5.000m<sup>2</sup>.

Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Long Khánh, và các huyện còn lại: Mức hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu, cụm công nghiệp tối đa



# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## II. Thành phần hồ sơ và quy trình thực hiện

### 1. Thành phần hồ sơ gồm:

#### a) Số lượng hồ sơ: 11 bộ hồ sơ

- Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi.

- Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp: Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại bộ phận Văn Thư Sở Công Thương, địa chỉ: Tầng số 4, Số 2, Đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

#### b) Thành phần hồ sơ gồm:

##### ❖ Đối với dự án đầu tư mới

- Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư dự án;  
- Hợp đồng thuê đất/thuê nhà xưởng trong khu, CCN để thực hiện dự án phát triển CNHT;

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC của cơ quan cảnh sát PCCC theo quy định.  
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Giấy phép xây dựng do cơ quan thẩm quyền cấp đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng.

- Báo cáo dự án đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng (*Trường hợp Dự án sản xuất nhiều loại sản phẩm: nêu rõ tỷ trọng doanh thu đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ đạt từ 70% tổng doanh thu trở lên*).

##### \* Đối với dự án mở rộng:

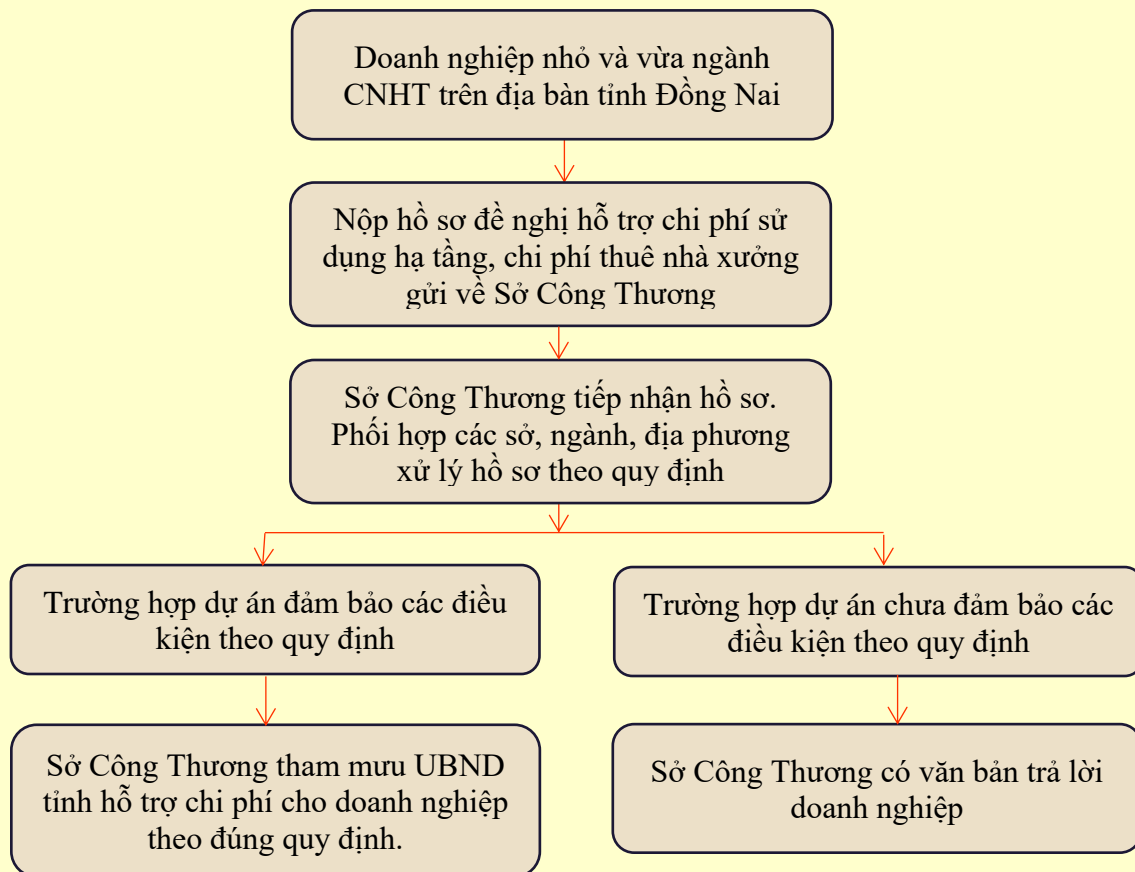
- Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng.  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;



## SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC của cơ quan cảnh sát PCCC theo quy định.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
- Giấy phép xây dựng do cơ quan thẩm quyền cấp đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng.
- Bản thuyết minh đầu tư mở rộng quy mô dự án (*Trường hợp Dự án sản xuất nhiều loại sản phẩm: nêu rõ tỷ trọng doanh thu đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ đạt từ 70% tổng doanh thu trở lên*).

### 2. Quy trình đề nghị hỗ trợ chính sách hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, chi phí thuê nhà xưởng





# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

## PHẦN C

### THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG NGHIỆP/NHÀ XƯỞNG TRONG CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI CÒN TRỐNG ĐỂ CHO THUÊ THỰC HIỆN DỰ ÁN (TÍNH ĐẾN 31/5/2020)

#### I. THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG NGHIỆP CHƯA CHO THUÊ TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	
1	Giang Điền	Chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao Sản xuất dây điện, cáp điện; Cơ khí....	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	KCN Giang Điền	0251 3833383	56		11.500	17.250	2.070.000		2018
2	Hố Nai - giai đoạn 2		Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai	KCN Hồ Nai	0251 3671039	100		6.000	17.500	2.215.400	-	2019
	Hố Nai - giai đoạn 1		Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai	KCN Hồ Nai	252 3671039	0						
3	Nhon Trạch VI		Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng KCN Nhon Trạch 6A	KCN Nhon Trạch 6, xã Long Thọ	0251 3566789	0		1.897,5 - 3.500	11.500	1.955.000		2018

Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	
4	Lộc An - Bình Sơn	Điện, điện tử, điện gia dụng, thiết bị công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo....	Công ty Cổ phần Phát triển V.R.G Long Thành	Lô E-KCN Lộc An Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành	251 3527544	71		3.200	11.600	2.320.000 - 2.552.000		2019
5	Dầu Giây	Cơ khí; Điện; Điện tử; may mặc	Công ty Cổ phần KCN Dầu Giây	KM 2, ĐT 769, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, ĐN	0251 3 770945	22		2.354	9.320	1.514.500	116.500	2019
6	Thạnh Phú		Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	KCN Biên Hòa II	0251. 3899916	0		16.300 (0,7 usd)	18.600 (0,8 usd)	2.323.500 (100 usd)	93.000 (4 usd)	2018
7	An Phước		Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	96 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251 3520379	11.73	100-130 USD/m <sup>2</sup>	2.860	13.956,0	2326,000 - 3,023,800	58,150 - 116,300	2020
8	Ông Kèo		Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	96 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251 3233268	20		1.350	13.956,0	2,558,600 - 3,721,600	93,040 - 139,560	2020
9	Long Đức		Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	KCN Long Đức, huyện Long Thành, Đồng Nai	0251 3201032	0	miễn tiền thuê đất đến năm 2024		25.908 (phí bảo trì cơ sở hạ tầng)	2.330.500		2019
10	Long Thành		Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	KCN Long Thành, huyện Long Thành	0251 3514494	52		11.650	23.300	3.495.000		2018
11	Nhon Trạch III - Giai đoạn 2		Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	KCN Nhon Trạch III	0251 3569582	6.85		3.565	13.956	1,860,800 - 3,489,000	58.150 - 116,300	2020

Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	
12	Amata - giai đoạn 1,2,3	Điện, điện tử, cơ khí ...	Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa	KCN Amata	0251 3991007	3		theo giá Nhà nước	21.120	120 USD		2019
13	Tân Phú	Điện; Điện tử; cơ khí, may mặc, da giày	Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	96 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251 3822486	10		792	13.956,0	697,800 - 1,163,000	58,150 - 93,040	2020
14	Sông Mây - Giai đoạn 1		Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mây	KCN Sông Mây	0251 3869436	0		3.200	11.350	1248500 - 1475500	90800-120150	2018
15	Long Khánh	Dệt may, da giày, cơ khí, điện-điện tử	Công ty Cổ phần KCN Long Khánh	KCN Long Khánh	0251 3725070	11		770	11.650	1.514.500	104.850	2018
16	Suối Tre		Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	113-116, C2 Đường 9 Khu dân cư An Bình, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	0251 3 836 106	1		2.500	10.707,00	1.396.500	93.100	2018
17	Nhon Trạch II		Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	H22 - Đường Võ Thị Sáu - Biên Hòa - Đồng Nai	0251 560569	0		1.263		525.900	29.450	2018
18	Nhon Trạch I		Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (IDICO URBIZ)	KCN Nhon Trạch I	0251 3560590	0		4.660	11.650	1.980.500	100.190	2018
19	Xuân Lộc		Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Biên Hòa II	0251 3834700	3		4,700 (0,2 USD)	14000 (0,6 usd)	1.162.000 (50 usd)	58.100 (2,5 usd)	2018

Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	
20	Nhon Trạch II Lộc Khang		Công ty TNHH TM và Đầu tư Lộc Khang	Số 6 đường Đ7 Khu biệt thự Sài Gòn Pearl, Phường 22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	(028) 35 149 189	0	1.500.000		11.500			2018
21	Bàu Xéo		Công ty Cổ phần Thống Nhất	KCN Bàu Xéo	0251 3924377	0		4.500	11.500	1.150.000		2018
22	Dệt May Nhon Trạch		Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex Tân Tạo	Tòa nhà Saigon Riverside Office Center Số 2A-4A, Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận I, TP.Hồ Chí Minh hoặc KCN Dệt May Nhon Trạch	028 38247922; 0251 3560486-106	0	1.675.000		9.000			2018
23	Nhon Trạch II Nhon Phú		Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền	25 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM hoặc KCN Nhon Trạch II - Nhon Phú	028 35510555	0	2.330.000	88.540	11.650	-	-	2019
24	Biên Hòa II		Cty Cổ phần Sonadezi Long Bình	KCN Biên Hòa II	0251 3834700	0	theo quy định Nhà nước		21.520		64.560	2018
25	Tam Phước		Công ty Cổ phần phát triển KCN Tín Nghĩa	KCN Tam Phước, Biên Hòa, ĐN	0251 3512295	0	170.882,0	2.200	11.670	2.446.500	104.850	2019



Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> / năm)	
26	Loteco		Công ty TNHH Phát triển KCN Long Bình	KCN Loteco - Biên Hòa - ĐN	0251 3891105	0						2018
27	Agtex Long Bình		Tổng Công ty 28	KCN Agtex Long Bình	(028 8942238) 0251 3 891133	0		11.250	8.500	1.753.000		2018
28	Gò Dầu		Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0251 3834700	0	theo quy định Nhà nước		15.064	968.400	44.116	2018
29	Định Quán		Công ty Cổ phần KCN Định Quán	KCN Định Quán, huyện Định Quán	0251 3.633337; 0251 3632288	0					0	2019
30	Nhon Trạch V		Tổng Công ty Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam (IDICO)	Tầng 3 Tòa nhà IDICO URBIZ, KCN Nhơn Trạch I 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q.3, HCM	(028. 9351901) 0251 2 215607	0	Miễn đến năm 2021 (VB 488/TCT-ĐT ngày 8/10/2018 )		11.685	1.869.600 (80 usd)		2018
31	Biên Hòa I		Tổng Công ty Phát triển KCN	KCN Biên Hòa I	0251 8860561	0						2018



## SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH ĐỒNG NAI

### II. THÔNG TIN NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Stt	KCN	Ngành nghề thu hút đầu tư	Chủ đầu tư hạ tầng	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Diện tích đất công nghiệp còn lại để cho thuê (ha)	GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG					Thời gian ghi nhận
							Giá cho thuê lại đất		Phí quản lý	Phí sử dụng hạ tầng		
							Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng /m <sup>2</sup> / năm)	Đơn giá hàng năm	Trả tiền 1 lần cả thời gian thuê (đồng/m <sup>2</sup> / cả thời hạn)	Đơn giá hàng năm (đồng/m <sup>2</sup> /năm)	
1	Khu công nghiệp Nhơn Trạch III-giai đoạn 2	Cơ khí, phụ kiện ô tô, khuôn đúc, sản phẩm nhựa, may mặc	Công ty cổ phần doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản (JSC)	Thị Trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	090892727/ 02513.6826 68	12.756m <sup>2</sup>						Tổng diện tích nhà xưởng dự kiến hoàn thành trước tháng 6/2021: 16.960m <sup>2</sup>



## UBND TỈNH ĐỒNG NAI SỞ CÔNG THƯƠNG

# SỔ TAY CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Tầng số 4, Số 2, Đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3941584

- Fax : 0251.3941

E-mail: [sct@dongnai.gov.vn](mailto:sct@dongnai.gov.vn)

Website: [www.sct.dongnai.gov.vn](http://www.sct.dongnai.gov.vn)

---

In 500 cuốn, khổ 14x21cm, in tại Công ty TNHH in Mộc Hoà, Địa chỉ tại: Số 91, Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.  
GPXB số      ngày /      /2020 do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai cấp.